TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2021/HNGĐ-ST
Ngày 14-12-2021
V/v "Tranh chấp ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Mỹ Liên
2. Bà Lê Thị Diễm

- **Thư ký phiên tòa**: Ông Trần Thế Sự - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tham gia phiên tòa**: Ông Nguyễn Văn Thướng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 496/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 về "Ly hôn tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên toà ngày 22 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1969; địa chỉ: Khu phố SS, phường AT, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Bùi Thanh C, sinh năm: 1968; địa chỉ: Khu phố SS, phường AT, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28-9-2020 và trong quá trình xét xử tại phiên toà, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

- *Về hôn nhân*: Bà và ông Bùi Thanh C tự nguyện tổ chức lễ cưới với nhau vào năm 1990, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại xã AT, huyện Trảng Bàng (nay là phường AT, thị xã Trảng Bàng). Cưới xong vợ chồng sống chung bên gia đình chồng, đến năm 2013 vợ chồng thuê nhà tại Thành phố Hồ Chí Minh ở để cho con đi học, ông C cũng đi làm, cuối tuần vợ chồng về nhà tại phường AT, thị xã Trảng Bàng. Thời gian chung sống đến đầu năm 2019 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng sống không phù hợp nhau, bất đồng quan điểm, ông C còn quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, nên thường xuyên cải vả nhau, ông C hay bạo hành đánh bà, có lần đánh bà bị chấn thương thủng màng nhỉ trái nên bà bỏ đi sống nơi

khác, vợ chồng sống ly thân từ tháng 7 năm 2020. Thời gian này vợ chồng cũng không gặp nhau bàn việc đoàn tụ lại. Nay bà thấy mâu thuẫn vợ chồng lâm vào trình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà xin ly hôn với ông C.

- *Về con chung*: Có 03 con tên Bùi Thanh T, sinh ngày 30-9-1991, Bùi Trúc B, sinh ngày 08-12-1995 và Bùi Duy A, sinh ngày 23-12-2004. Hiện hai cháu Thanh T và Trúc B đã trưởng thành tự lao động sinh sống được, bà không yêu cầu giải quyết, bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Duy A yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 6.000.000 đồng. Ngày 03-6-2021 bà H có đơn không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Có căn nhà và đất tại phường AT, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh ông C đang quản lý, bà không yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có, bà không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Bùi Thanh C: Tòa án đã xác minh, niêm yết các văn bản tố tụng để triệu tập ông C đến Tòa án làm việc theo quy định của pháp luật mà vẫn vắng mặt không có lý do, ông cũng không có văn bản ghi ý kiến của ông gửi cho Toà án. Qua làm việc với ông Lư Trung D là em họ của ông C thể hiện: Ông D là người quản lý sống trong nhà của ông C tại khu phố SS, phường AT, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, ông C đi làm việc ở Quân khu 7 tại Thành phố Hồ Chí Minh cuối tuần ông C về nhà, hiện nay bà H đã dọn đi nơi khác ở, không còn sống chung nhà với ông C nữa. Các lần Tòa án gửi văn bản tố tụng mời ông C đến làm việc ông đều giao và gọi điện báo lại cho ông C đầy đủ, nhưng ông C không nói gì.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng là bà H đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Ông C đã được Toà án triệu tập nhiều lần để thu thập chứng cứ, nhưng ông không đến là chưa chấp hành theo quy định của pháp luật. Tại phiên toà ông C vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên đề nghị xử vắng mặt ông C là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông C; về con chung: Giao bà H được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Duy A, sinh ngày 23-12-2004. Ghi nhận bà H không yêu cấp dưỡng nuôi con. Riêng hai cháu Bùi Thanh T, sinh ngày 30-9-1991 và Bùi Trúc B, sinh ngày 08-12-1995 đã trưởng thành tự lao động sinh sống được, nên không giải quyết; về tài sản chung và về nợ chung: Bà H không yêu cầu, ông C không có ý kiến nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Bà Nguyễn Thị H xin ly hôn với ông Bùi Thanh C, ông C hiện có địa chỉ tại khu phố SS, phường AT, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, nên Toà án thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định

tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông C đã được Toà án triệu tập nhiều lần để lấy lời khai, công khai chứng cứ và hoà giải, dự phiên toà ông đều biết, nhưng ông không đến là chưa chấp hành theo quy định của pháp luật. Tại phiên toà ông C vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Toà án xử vắng mặt ông C là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Bà H, ông C tự nguyện tổ chức lễ cưới với nhau vào năm 1990, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 7 năm 2020.

Xét thấy, do tính tình ông bà không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tôn trọng và tin tưởng lẫn nhau, nên thường xuyên cải vả và xảy ra xô xác nhau, có lần ông C đánh bà H bị chấn thương thủng màng nhỉ trái nên bà H bỏ đi, cuộc sống không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, vợ chồng sống ly thân từ tháng 7 năm 2020. Thời gian này vợ chồng cũng không gặp nhau bàn việc đoàn tụ. Tòa án mời ông C đến hòa giải, nhưng ông không đến, tức là ông C cũng không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chứng tỏ mâu thuẫn của ông bà đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông C là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Có 03 con tên Bùi Thanh T, sinh ngày 30-9-1991, Bùi Trúc B, sinh ngày 08-12-1995 và Bùi Duy A, sinh ngày 23-12-2004. Hiện hai cháu Thanh T và Trúc B đã trưởng thành tự lao động sinh sống được, bà không yêu cầu giải quyết, bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Duy A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, cháu Duy A đã trên 7 tuổi, cháu có nguyện vọng muốn sống với mẹ. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên và đảm bảo về sự phát triển bình thường về tâm sinh lý của con, nghỉ nên buộc ông C giao cháu Duy A cho bà H được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân gia đình. Riêng hai cháu Bùi Thanh T, sinh ngày 30-9-1991 và Bùi Trúc B, sinh ngày 08-12-1995 đã trưởng thành tự lao động sinh sống được, nên không giải quyết.

[4] *Về tài sản chung và về nợ chung*: Bà H không yêu cầu, ông C không có ý kiến, nên không giải quyết.

[5] Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] *Về án phí sơ thẩm ly hôn*: Bà H chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 227, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị H đối với ông Bùi Thanh C. Bà H được ly hôn với ông C.

2. *Về con chung*: Giao cháu Bùi Duy A, sinh ngày 24-12-2004 cho bà Nguyễn Thị H được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Ông C đang nuôi cháu Duy A, nên buộc ông Bùi Thanh C có trách nhiệm giao cháu Bùi Duy A, sinh ngày 24-12-2004 cho bà H.

Ông Bùi Thanh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Riêng hai cháu Bùi Thanh T, sinh ngày 30-9-1991 và Bùi Trúc B, sinh ngày 08-12-1995 đã trưởng thành tự lao động sinh sống được, nên không giải quyết.

3. *Về tài sản chung và về nợ chung*: Bà H không yêu cầu, ông C không có ý kiến, nên không giải quyết.

4. *Về án phí sơ thẩm ly hôn*: Bà Nguyễn Thị H chịu 300.000 đồng. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà H đã nộp theo Biên lai thu số 0014576 ngày 05-10-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng. Bà H đã nộp đủ tiền án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"*Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự*"./

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND phường AT;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị An